

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2023/HS-ST

Ngày: 17-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Ngọc Giàu

Ông Phan Hồng Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 189/2023/HSST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Thanh N, sinh năm: 1979 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: 44/01 khu phố B B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1949; vợ bị cáo tên Nguyễn Thủy T, sinh năm 1989, bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm khỏi nơi cư trú từ ngày 31/01/2023. Bị cáo có đơn xin vắng mặt.

- Bị hại: **Tổng Văn S**, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Tổ 4, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

Người làm chứng:

Phạm Thanh G, sinh năm 1989, vắng mặt;

Bùi Văn H, sinh năm 1990, vắng mặt;

Trần Minh T, sinh năm 1988, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh N và ông Tống Văn S có quen biết nhau ngoài xã hội. Tháng 8/2021, N cho ông S vay 55.000.000 đồng, sau đó N nhiều lần đòi nhưng ông S chưa có tiền để trả. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/10/2021, N đi bộ đến Công ty Phước Nguyên, địa chỉ số 40/4, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tìm ông S đòi nợ. Lúc này, Nhân nhìn thấy S đang đẩy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, biển số: 61C1-952.26 từ trong công ty đi ra cổng. N lại hỏi ông S “sao ông mượn tiền và hẹn riết mà không trả”, ông S trả lời “Chưa có tiền, khi nào có tiền tao trả”. N cự cãi với ông S và yêu cầu không trả tiền thì để xe mô tô lại, khi nào có tiền thì đến gặp N trả tiền mới được lấy xe mô tô về thì ông S không đồng ý. Thấy vậy, N giằng co, đẩy người ông S lấy chìa khóa xe trong ô khóa xe mô tô, ông S ngăn cản nên xe mô tô và ông S ngã xuống đường. Sau đó, ông S bỏ đi vào cổng công ty Phước Nguyên, lúc này N đẩy xe mô tô biển số: 61C1-952.26 của ông S đi đến quán cà phê Hội Ngộ do N làm chủ cách đó khoảng 40 mét, địa chỉ tổ 4, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để cất giữ. Khi N đẩy xe mô tô biển số: 61C1-952.26 đến trước quán cà phê Hội Ngộ thì N nhờ ông Phạm Thanh G, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp là nhân viên của quán đưa vào bên trong quán cất rồi N đi về nhà của mình. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, G nhìn thấy ông S đang đi bộ ngang qua quán cà phê Hội Ngộ nên G đã trả lại xe mô tô cho S để đi về.

Sau đó, ông Tống Văn S đến Công an phường Bình Chuẩn trình báo sự việc bị chiếm đoạt tài sản như trên. Quá trình làm việc N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản ngày 16/06/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thuận An, kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đỏ đen xám, biển số: 61C1-952.26 có giá trị 5.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, Tống Văn S khai trong lúc giằng co Trần Thanh N có dùng tay, chân đánh ông S để lấy chiếc xe mô tô biển số: 61C1-952.26 và ông S khai có để 05 nhẫn tròn trơn vàng 9999, tổng trọng lượng 10 chỉ, 02 nhẫn tròn trơn vàng 9999, tổng trọng lượng 02 chỉ trong cốp xe mô tô biển số: 61C1-952.26. Sau khi ông S lấy lại xe mô tô trên thì phát hiện bị mất vàng nhưng không biết ai đã lấy. Qua làm việc, N khai nhận có giằng co, đẩy người ông S để lấy chìa khóa xe thì xe mô tô và ông S ngã xuống đường, sau đó ông S bỏ đi. N không có đánh ông S và không biết trong cốp xe mô tô có vàng, N cũng không chiếm đoạt vàng của ông S. Ngoài lời khai của ông S không còn chứng cứ nào chứng minh N đã có hành vi đánh và chiếm đoạt vàng của ông S nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An không xem xét xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 201/CT-VKS -TA ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Thanh N về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thanh N.

Về mức hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh N từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 đến 04 năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đỏ đen xám, biển số: 61C1-952.26 là tài sản do Tổng Văn S đứng tên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã trả lại cho ông S là có căn cứ.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng theo nội dung Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trần Thanh N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện của bị cáo, việc vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử phù hợp với điểm c, d khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, cam kết không thắc mắc khiếu nại gì và có đơn yêu cầu không truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử và phù hợp với quy định Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[3] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và trong nội dung đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[4] Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người làm chứng, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23/10/2021, tại địa chỉ số 40/4, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Trần Thanh N

dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại để lấy chìa khóa và chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đỏ đen xám, biển số: 61C1-952.26 có giá trị 5.200.000 đồng của bị hại Tống Văn S.

Hành vi của bị cáo Trần Thanh N đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vì tham lam, tư lợi, bị cáo dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần, tuy không tức khắc nhưng cũng làm cho bị hại lo sợ nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, lỗi của bị cáo là cố ý trực tiếp, do đó cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với hành vi của bị cáo, nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[9] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, tại hồ sơ thể hiện không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đỏ đen xám, biển số: 61C1-952.26 là tài sản ông Tống Văn S, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An đã trả lại cho ông S là có căn cứ nên không đặt ra xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Thanh N.

- Các Điều 106, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (17/7/2023).

Giao bị cáo Trần Thanh N cho Ủy ban nhân dân phường Bình Chuẩn thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không

3. Về xử lý vật chứng: Không

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thanh N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu:HS,THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo